

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HS-ST

Ngày: 24-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính;

Ông Võ Văn Thơ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Chí N (tên gọi khác là B), sinh năm: 1991, nơi sinh: xã T, huyện L, tỉnh S; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T, sinh năm: 1961 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm: 1963 (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 21/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 23/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2014. Chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tiền sự: Ngày 15/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, ra Quyết định số 101/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về nhân thân: Ngày 23/7/2009, bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 01 năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án 211/2009/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Kim T (tên gọi khác là N), sinh năm: 1992, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1956 và bà Lương Thị T, sinh năm: 1957 (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền sự: không.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 24/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh, ra quyết định số 305/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong ngày 27/10/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Phan Thị L, sinh năm: 1962. (có mặt)
2. Ông Trần Văn O, sinh năm: 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1992. (có mặt)
Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An.
2. Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1982. (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An;
3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây, bạn gái của Đặng Chí N ở gần nhà của bà Phan Thị L thuộc xã P, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian đến nhà của bạn gái chơi thì Đặng Chí N thường hay đến quán của nhà bà L mua đồ, từ đó biết nhà bà L có tài sản. Vào ngày 02/6/2018, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nhà bà L nên rủ Nguyễn Kim T cùng đi thì T đồng ý nhưng do không có xe nên chưa thực hiện được. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/6/2018, N và T thuê xe ôm từ xã T, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà bạn gái của N chơi. Đến khoảng 01 giờ ngày 04/6/2018, N và T đến nhà bà Phan Thị L, để tìm tài sản lấy trộm. N hướng dẫn T cách thức đột nhập vào nhà và chỉ vị trí để tài sản, còn N ở ngoài canh giới. T đến cửa sổ bên hông nhà trước dùng tay, chân kéo đẩy và đập làm bung khung sắt, nên T trèo qua cửa sổ vào nhà và sử dụng ánh sáng đèn điện thoại tìm tài sản lấy trộm. Sau đó lấy trộm tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô Wave,

biển số 62H4-1590; 2140 tờ vé số mệnh giá 10.000 đồng các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu mở thưởng ngày 05/6/2018 và số tiền mặt 580.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe mô tô lấy trộm được chở N về Thành phố Hồ Chí Minh, T giao cho N một cọc vé số, đem bán cho Đ không rõ lai lịch địa chỉ, được 9.000.000 đồng; T bán xe cho một thanh niên không rõ lai lịch địa chỉ được 4.000.000 đồng, chia nhau chơi game và tiêu xài cá N. Qua điều tra Đặng Chí N và Nguyễn Kim T thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 39/KLĐG ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, loại Wave anpha, màu xanh, biển số 62H4-1590 (đã qua sử dụng), trị giá là 800.000 đồng; 2.140 vé xổ số kiến thiết các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bạc Liêu, vé số còn nguyên vẹn, mệnh giá mỗi vé là 10.000 đồng, ngày mở xổ số là cùng ngày 05/6/2018, trị giá là 18.832.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 19.632.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T, người bị hại là bà Phan Thị L và ông Trần Văn O không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá tài sản này.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc, tạm giữ: 01 (một) nón kết bằng vải, màu đen, hiệu Gucci; 01 (một) đôi dép quay kẹp, màu đen, hiệu Fila thu giữ tại hiện trường; 01 (một) điện thoại di động hiệu TCL 318D, màu đen, số sim 01663.279.793 do Đặng Chí N giao nộp; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B225, màu trắng, số sim 01642.986.038 và số 0167.744.337 do Nguyễn Kim T giao nộp.

Về dân sự: Bị hại là vợ chồng bà Phan Thị L - ông Trần Văn O yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền 29.412.000 đồng, trong đó xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng; 2.140 tờ vé số mệnh giá 10.000 đồng các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu mở thưởng ngày 05/6/2018, trị giá 18.832.000 và 580.000 đồng tiền mặt. Các bị cáo chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 67/CT-VKSCG, ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc đã truy tố bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Chí N từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù.

- Về dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 29.412.000 đồng, trong đó xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng; 2.140 tờ vé số số mệnh giá 10.000 đồng các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu mở thưởng ngày 05/6/2018, trị giá 18.832.000 đồng và 580.000 đồng tiền mặt.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B225, số sim 01642.986.038 và số 0167.744.337 là phương tiện bị cáo T dùng để tìm tài sản lấy trộm nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 04/6/2018, Đặng Chí N và Nguyễn Kim T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà bà Phan Thị L và ông Trần Văn O lấy trộm tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô Wave, biển số 62H4-1590, trị giá 800.000 đồng; 2.140 tờ vé số mệnh giá 10.000 đồng các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu mở thưởng ngày 05/6/2018, trị giá 18.832.000 đồng và tiền mặt 580.000 đồng. Tổng tài sản thiệt hại là 20.212.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Đặng Chí N và

Nguyễn Kim T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản, làm cho mọi người không an tâm lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, để lại hậu quả xấu cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được điều này nhưng vì mục đích tư lợi mà cố ý vi phạm. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

[4] Bị cáo Đặng Chí N đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên phạm tội trong trường hợp này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này xét vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Kim T là người trực tiếp lấy trộm tài sản của người bị hại. Bị cáo Đặng Chí N là đồng phạm với vai trò là giúp sức cảnh giới thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên, bị cáo N là người rủ rê, chỉ dẫn cho bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Về nhân thân, các bị cáo đều có N thân xấu, đều đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo N có N thân xấu hơn bị cáo T. Bị cáo N đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 lần phạm tội “Trộm cắp tài sản” nhưng đã được xóa án tích. Do đó, hình phạt của bị cáo N phải cao hơn bị cáo T.

[6] Ngoài ra, khi quyết định hình phạt thì Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Người bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tất cả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Đối với tên Đ và thanh niên không rõ lai lịch là người mua vé số và xe mô tô mà N và T lấy cắp, nhưng khi mua thì bị cáo N và T không nói đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xem xét xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[9] Về dân sự: Bị hại Phan Thị L và ông Trần Văn O yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng cộng số tiền 29.412.000 đồng, trong đó xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng; 2.140 tờ vé số số mệnh giá 10.000 đồng các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu mở thưởng ngày 05/6/2018, trị giá 18.832.000 đồng và 580.000 đồng tiền mặt. Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên nên ghi nhận.

[10] Về vật chứng: 01 (một) nón kết bằng vải, màu đen, hiệu Gucci; 01 (một) đôi dép quai què, màu đen, hiệu Fila thu giữ tại hiện trường; 01 (một) điện thoại di động hiệu TCL 318D, màu đen, số sim 01663.279.793 do bị cáo Đặng Chí N giao nộp; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B225, màu trắng, số sim 01642.986.038 và số 0167.744.337 do bị cáo Nguyễn Kim T giao nộp. Xét thấy nón kết, đôi dép quai què thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Kim T; chiếc điện thoại di động hiệu TCL 318D thuộc sở hữu của bị cáo Đặng Chí N, không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trao trả cho các bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B225, số sim 01642.986.038 và số 0167.744.337, đây là phương tiện bị cáo T dùng để tìm tài sản lấy trộm nên tịch thu sung, nộp ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Chí N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/6/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Chí N 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/6/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Kim T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Đặng Chí N và Nguyễn Kim T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Phan Thị L - Trần Văn O số tiền 29.412.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B225, số sim 01642.986.038 và số 0167.744.337. (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 08/6/2018 của Công an huyện Cần Giuộc)

Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23; 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo có trách nhiệm liên đới nộp 1.470.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

